

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50/2021/HC-ST**

Ngày: 26,29/3/2021

*“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Trần Thị D

Bà Dương Thị Lý A.

Thư ký phiên tòa: Bà Chủ Thị Bích L - Thẩm tra viên TAND TP Hà N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Tuyết M- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H , xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 63/2020/HCST ngày 31/3/2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HC ngày 05/3/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956. Địa chỉ: TDP Yên N 2, phường Liên M , quận B , thành phố H .

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Phan H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ dân phố trung 6, phường T, quận B , thành phố H .

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xã C, huyện H, thành phố H .

2. Người bị kiện:

2.1. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H* . Địa chỉ trụ sở: 79 phố Đ, phường L, quận H, thành phố H .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H .

2.2. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B , thành phố H* .

2.3. *Ủy ban nhân dân quận B , thành phố H*

Địa chỉ trụ sở: Phố Phú K, phường Phúc D, quận B , thành phố H .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch UBND quận B .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Phùng Thị Kim T – chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận B .

- Ông Lê Quang V – chức vụ: Tổ phó tổ giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất quận B , thành phố H .

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường Liên M , quận B , thành phố H . Địa chỉ trụ sở: Phường Liên M , quận B , thành phố H .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Mạnh H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Liên M .

3.2. Hợp tác xã Yên Nội. Địa chỉ trụ sở: Số 101/1 đường Liên M , TDP Yên N 3, phường Liên M , quận B , thành phố H .

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C, Giám đốc HTX Yên Nội.

3.3. Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1956;

3.4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982;

3.5. Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1985;

3.6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980;

Cùng trú tại: TDP Yên N 1, phường Liên M , quận B , Tp H.

(Tại phiên tòa có mặt: ông Nguyễn Phan Hào, ông Nguyễn Quang D).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong Đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Năm 1981, gia đình bà được HTX Yên N giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cây lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sống cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Yên Nội) với diện tích: 2.532 m². Năm 2001, gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.977 m², bao gồm:

- Thửa đất số 384, tờ bản đồ số 16, diện tích: 348 m²

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 15, diện tích: 614 m²

- Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 16 có diện tích: 1015 m²

Diện tích còn lại 275 m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 558, tờ bản đồ số 16 cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình bà sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Đất này là đất không đưa vào cân đối để giao theo Nghị định 64/CP.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B ra Quyết định số 1317/QĐ- UBND thu hồi 275 m² đất nông nghiệp của gia đình bà để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N trên địa bàn phường Liên M . Cùng ngày, gia đình bà nhận được Quyết định số 1388/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà. Cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất 275m² : 55.440.000 đồng

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : 83.398.424 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là: 139.838.424 đồng. Số tiền này gia đình bà đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên bà đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND quận B , thành phố H .

Ngày 29/7/2016, gia đình bà nhận được Quyết định số 3061/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B , gia đình đã làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố H .

Ngày 05/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình bà mới nhận được Quyết định số 6912/QĐ-UBND đề ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà với nội dung đồng ý với Quyết định 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B . Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H là không đúng với văn bản số 3599/UBND-ĐCNN ngày 09/6/2008 của UBND thành phố H .

Kết quả xác minh của Thanh tra thành phố: “Diện tích 275m² không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình bà B , thực tế hộ gia đình bà B đã được Hợp tác xã nông nghiệp Yên N giao khoán từ khoán 100, khoán 10 và sử dụng ổn định đến thời điểm Nhà nước thu hồi thực hiện Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N. Chính quyền địa phương không sử dụng bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.” Như vậy, nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà phù hợp với kết quả xác minh của Thanh tra thành phố H và các quy định pháp luật, gia đình bà đủ điều kiện được hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với diện tích 275m² đất bị thu hồi.

Về tài sản trên đất gồm bể xây, giếng, nhà ni lông, hàng rào thép gai...: Đây đều là công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường Liên M song được UBND phường Liên M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý. Do đó, cần áp dụng khoản 2 điều 12 quyết định số 10/2017 của UBND thành phố H để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng nhằm đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

Từ những căn cứ pháp luật nêu trên, gia đình bà phải được bồi thường, hỗ trợ bổ sung như sau:

- Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề: 275m² x 201.600 đồng x 5 = 277.200.000đồng;

- Tài sản trên đất:

Gạch xây: 2,88 x 1.315.288 đồng x 20% = 575.606 đồng

Hàng rào lưới thép B40: 136 x 255.000 đồng x 90% = 31.212.000 đồng

Tổng cộng là: 309.169.606 đồng.

Bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H : Căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND thành phố H , hủy:

+ Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

+ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu.

+ Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

+ Yêu cầu UBND quận B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà số tiền 309.169.606 đồng.

*** Người bị kiện:**

- **Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trình bày:** UBND xã L trước đây thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ theo hình thức bình quân nhân khẩu trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của các hộ sử dụng từ khoán 10, khoán 100 và cân đối diện tích hộ thừa cho hộ thiếu. Nhưng khi triển khai việc giao đất nông nghiệp đã không thực hiện được việc cân đối giữa các hộ sử dụng thừa và thiếu so với phương án cho các hộ gia đình, cá nhân. Dẫn đến hiện nay tại phường Liên M vẫn đang sử dụng tồn tại các hộ dân sử dụng thừa và các hộ dân sử dụng thiếu so với phương án.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sóng Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã L (nay là UBND phường Liên M), hộ gia đình ông Nguyễn Quang D có 05 nhân khẩu, được giao 1.290 m² đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng 2.532m² đất. Trên thực tế hộ gia đình ông D (B) đã được cấp GCNQSD: 1.977 m² đất nông nghiệp (gồm thửa 384, tờ bản đồ 16, diện tích 348m²; thửa 41 tờ bản đồ 15, diện tích 614m² và thửa 234 tờ bản đồ 15, diện tích 1.015m²), so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất thừa 687m².

Hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sóng Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã L, UBND huyện T trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã L không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng Sóng Cao và hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Từ Liêm trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) đang sử dụng đất tại khu vực này, gia đình bà B vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay và không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã L trước đây. UBND xã L, UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình ông Nguyễn

Quang D (B) tại khu xứ đồng Sông Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Diện tích 275m² đất (thuộc thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16, bản đồ đo năm 1994 xã L (nay là phường Liên M) do hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

Việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Ngày 15/5/2008, Tổ công tác GPMB dự án có Biên bản điều tra, xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất đã ghi nhận: Chủ sử dụng đất là UBND xã L, chủ tài sản là hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) đang sử dụng tài sản trên diện tích 331m² đất thuộc thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 (bản đồ đo vẽ năm 1994 xã L nay là phường Liên M) có xác nhận về đất và tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà N. Ngày 04/5/2015, UBND phường Liên M đã có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng đất thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16 hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) sử dụng trước ngày 01/7/2004. Ngày 4/6/2015, UBND phường Liên M đã có xác nhận bổ sung về thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình ông Nguyễn Quang D (B) trước ngày 15/10/1993 và từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N với nội dung: *“Thu hồi 275m² đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý (thuộc thửa đất số 558, tờ bản đồ 16 bản đồ đo năm 1994 phường Liên M), hiện hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đang sử dụng trước ngày 01/7/2004”*.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1388/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B). Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 139.838.424 đồng, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 55.440.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 77.900.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 6.498.424 đồng

UBND quận đã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B). Tuy nhiên, hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) không phối hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Về quá trình giải quyết khiếu nại: Bà Nguyễn Thị B khiếu nại Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất tại phường Liên M để thực hiện dự án khu công nghệ cao sinh học Hà N và Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang D tại dự án xây dựng khu công nghệ cao sinh học Hà N với các nội dung đề nghị: được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp. Ngày 21/6/2016, UBND quận B ban hành Thông báo số 1030/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B. Ngày 15/6/2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 2424/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường Liên M , hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L . Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố H .

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường Liên M có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường Liên M song đã được UBND phường Liên M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý. Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Ngày 21/7/2016, Thanh tra Quận đã có Báo cáo số 276/BC-TTr về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị B .

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3061/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B .

Bà Nguyễn Thị B không đồng ý với nội dung Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B , thành phố H và tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thành phố H .

Ngày 15/12/2016, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 6912/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B với nội dung đồng ý Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B .

Đến nay, UBND quận B chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án BTHT cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) theo Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B do dự án Xây dựng công nghệ cao sinh học chưa được gia hạn triển khai thực hiện dự án và chưa được ứng vốn nên chủ đầu tư chưa có cơ sở thực hiện.

Chủ tịch và UBND quận B giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị B khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường Liên M , quận B .

Đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố H bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và xin được vắng mặt.

- Chủ tịch UBND thành phố H trình bày: Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B , chủ tịch UBND thành phố H khẳng định nội dung Quyết định 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B là đúng quy định của pháp luật. Đến nay, chủ tịch UBND thành phố H không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại nêu trên. Đề

ngợi Tòa án nhân dân thành phố H xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin được giải quyết vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **UBND phường Liên M trình bày:** Diện tích các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng được HTX Yên N giao khoán từ năm 1981. Kể từ đó đến nay, các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm đất công. Mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân tại thời điểm có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N là đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm (rau, hành, hoa hồng, hoa cúc, cau vua).

Đối với HTX Yên N giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân tính theo bình quân nhân khẩu trong hộ là 258 m²/khẩu. Khi thực hiện việc giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân không được đưa vào trong phương án giao đất chi tiết để cân đối giao cho các hộ gia đình, cá nhân. Hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để trồng rau, hành, hoa hồng, hoa cúc và cau vua. Khi xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N, UBND phường Liên M căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu tại UBND phường (Bản đồ và sổ mục kê đất năm 1994, Phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ lập năm 1999 và hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng). Trên địa bàn phường Liên M có 03 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N loại đất tương tự được hỗ trợ x 05 lần giá đất, gồm: Hộ ông Hoàng Văn Mùi, hộ ông Nguyễn Thị Bình, Hộ ông Nguyễn Văn Anh (Loan).

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- **Hợp tác xã Yên N trình bày:** Căn cứ hồ sơ tài liệu còn lưu giữ tại HTX Yên N về việc quản lý sử dụng diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình cá nhân trong HTX, Hợp tác xã Yên N có ý kiến như sau: Hộ gia đình ông Nguyễn Quang D (B) được HTX Yên N giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu sống cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Tại thời điểm giao đất không có biên bản giao bằng giấy mà giao bằng miệng trực tiếp tại hiện trường và quản lý theo phương án thu sản phẩm một năm hai vụ của hợp tác xã; tuy nhiên do thời gian lâu ngày lên phương án thời điểm đó bị mỗi một xong không còn lưu trữ được. Đến năm 1988, khi thực hiện hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản xuất của hộ ông Nguyễn Quang D (B) vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán.

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giữ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu Sống cao và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay

không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.

Vì vậy, HTX Yên N xác nhận hộ ông Nguyễn Quang D (B) vẫn sản xuất ổn định trên tổng diện tích được giao từ năm 1981 trong đó có phần diện tích khu sống cao thuộc vị trí thu hồi thực hiện dự án khu Công nghệ cao sinh học Hà N. Thực hiện đóng, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và hợp tác xã. Đề nghị Tòa án xem xét theo đúng Luật đất đai hiện hành.

- Ông Nguyễn Quang D, chị Nguyễn Thị Hằng, anh Nguyễn Quang Việt, chị Nguyễn Thị Hà trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện, ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị B và xin được vắng mặt.

* Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B sau khi trình bày tranh luận đã đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền và lợi ích theo đúng quy định pháp luật cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H. Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự và quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất Đai năm 2013, Luật Khiếu nại và các văn bản pháp luật có liên quan:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Về án phí: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí HCST. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí trong trường hợp bà B có đơn xin miễn án phí.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Đối tượng khởi kiện là các Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai đều là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: ngày 22/11/2019 bà Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai và sau đó bà Nguyễn Thị B tiếp tục bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu. Theo bà B trình bày mặc dù bà nộp đơn khiếu nại lần 2 từ năm 2016 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 6912/QĐ-UBND từ ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại lần hai, nhưng gia đình bà không nhận được Quyết định này. Đến ngày 05/7/2019, gia đình bà mới nhận được Quyết định số 6912 (có Biên bản bàn giao quyết định của Ban tiếp công dân thành phố H) và ngày 22/11/2019 bà mới thực hiện được việc nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố H có yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp tài liệu chứng cứ về việc bàn giao Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 cho bà Nguyễn Thị B nhưng không được cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ngày bà Nguyễn Thị B nhận được Quyết định số 6912/QĐ-UBND là ngày 05/7/2019 để tính thời hiệu khởi kiện và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của bà B đảm bảo về thời hiệu.

Khi xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị B để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H , Chủ tịch và UBND quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H , Chủ tịch và UBND quận B , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường Liên M , Hợp tác xã Yên N và những người liên quan khác có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành các Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị B để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà N và Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị

định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị B là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về các nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Diện tích 275 m² đất tại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16, bản đồ năm 1994, phường Liên M, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B sử dụng từ khoán 100, khoán 10, nhưng không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình bà B.

Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B lưu tại UBND phường Liên M thể hiện: số nhân khẩu được giao: 5 khẩu, diện tích được giao: 1.977m² (bình quân 395,4m²/khẩu) và đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Trên thực tế, ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình bà B còn sử dụng 275m² đất nông nghiệp (bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà N) từ trước thời điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP để sản xuất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.

Đối với diện tích 275m² hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đang sử dụng bị thu hồi tại dự án xây dựng Khu công nghệ cao sinh học trên địa bàn phường Liên M thửa đất số 558, tờ bản đồ số 16, bản đồ năm 1994 là đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP). Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND về việc thu hồi 275m² đất nông nghiệp không giao do UBND phường Liên M quản lý, hiện hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đang sử dụng là đúng quy định.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đã tính bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013, không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy, bà Nguyễn Thị B đề nghị được bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp đối với phần diện tích 275 m² đất nông nghiệp hộ gia đình bà đang sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường Liên M, hộ gia đình bà Nguyễn Thị B xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L. Do đó,

được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố H . Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường Liên M có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: *“UBND xã L trước đây (nay là UBND phường Liên M) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trồng nom tài sản”*. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị B phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường Liên M song đã được UBND phường Liên M tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý. Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Tại Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B .

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 275m² đất do hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP. Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND về việc thu hồi 275m² đất nông nghiệp và Quyết định số 1388/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị B đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Nguyễn Thị B là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị B trình bày một số hộ dân ở phường Liên M , phường T bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình bà bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H và Tòa án nhân dân thành phố H đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xét xử theo trình tự Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại

theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình bà B bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: “Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình bà B không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp

Do các Quyết định hành chính nêu trên đều đúng pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị B nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà B về việc buộc UBND quận B ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà B số tiền 309.169.606 đồng.

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị B là Người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 88 và khoản 1, 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; Điều 31, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1,3 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H.

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định sau:

+ Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

+ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu.

+ Quyết định số 6912/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

2/ Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phúc đề nghị UBND quận B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà số tiền 309.169.606 đồng.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H ;
- Các đương sự;
- Lưu VP+HSVA

**TM. HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quảng Oai

